

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 191 /QĐ-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục và đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BACH KHOA
CÔNG VĂN ĐIỆN TỬ

Số: 81
ĐẾN Ngày: 20/01/2026

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 512-NQ/ĐU ngày 13/01/2026 của Đảng ủy Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

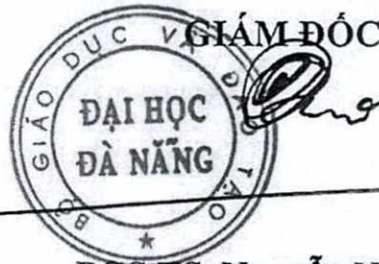
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch này, Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Đại học Đà Nẵng có trách nhiệm chủ trì xây dựng các nhiệm vụ cụ thể đảm bảo theo đúng tiến độ quy định; hằng năm, báo cáo Giám đốc Đại học Đà Nẵng về kết quả thực hiện kế hoạch và kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng của Đại học Đà Nẵng, Hiệu trưởng các trường đại học thành viên và Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Đại học Đà Nẵng căn cứ Quyết định thi hành././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Thành ủy Đà Nẵng (để báo cáo);
- Đảng ủy UBND Tp. Đà Nẵng (để báo cáo);
- Đảng ủy ĐHQĐN (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục và đào tạo.

(Kèm theo Quyết định số 191 /QĐ-ĐHĐN ngày 16 /01/2026
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết số 59-NQ/TW) và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục và đào tạo (Nghị quyết số 71-NQ/TW), Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.
- Xác định rõ trách nhiệm của ĐHĐN trong việc chủ trì, phối hợp và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực thi, đồng thời tăng cường phối hợp giữa các đơn vị liên quan nhằm đạt được mục tiêu, kết quả cụ thể và bền vững trong từng nhiệm vụ.
- Quán triệt phương châm hành động năm 2026 theo Thông báo Kết luận số 17-TB/CQTTBCD của Ban Chỉ đạo Trung ương: “Hành động đột phá, lan tỏa kết quả”, ĐHĐN chuyển mạnh từ tư duy xây dựng kế hoạch sang tư duy quản trị theo mục tiêu và sản phẩm đầu ra; từ báo cáo tiến độ sang báo cáo hiệu quả và tác động thực tiễn.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

Mục tiêu tổng quát là ĐHĐN phát triển bền vững lâu dài, ngang tầm các đại học hàng đầu châu lục, trở thành một trong những đầu tàu dẫn dắt, làm hình mẫu

cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Trong trung và dài hạn, ĐHĐN trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo (ĐMST) hàng đầu cả nước, đồng thời là hạt nhân của mạng lưới đại học - doanh nghiệp - chính quyền, tạo động lực thu hút đầu tư công nghệ cao cho thành phố Đà Nẵng, khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

ĐHĐN được Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số¹ giao nhiệm vụ trực tiếp triển khai các nội dung đột phá về phát triển nhân lực tinh hoa, nghiên cứu – đổi mới sáng tạo gắn với công nghệ chiến lược và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; đến năm 2030, ĐHĐN phấn đấu trở thành Đại học Quốc gia thuộc nhóm 150 đại học hàng đầu Châu Á, trong đó có ít nhất một ngành hoặc lĩnh vực thuộc top 100 của thế giới theo bảng xếp hạng đại học quốc tế uy tín, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng Đại học Quốc gia Đà Nẵng đạt chuẩn quốc tế, thực hiện tự chủ đại học toàn diện, có uy tín học thuật cao trong khu vực và trên thế giới; giữ vai trò trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Phấn đấu đưa Đại học Quốc gia Đà Nẵng vào top 800-1000 đại học hàng đầu thế giới theo bảng xếp hạng Times Higher Education (THE), đồng thời thuộc top 100 đại học châu Á theo bảng xếp hạng QS Asia Rankings, có một số lĩnh vực, ngành đào tạo và nghiên cứu mũi nhọn đạt thứ hạng cao trên thế giới, qua đó đóng góp quan trọng vào phát triển bền vững, thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia.

3. Yêu cầu

- Kế hoạch này cần bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết. Chương trình hành động của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Kế hoạch cần đảm bảo tính khả thi, đúng chức năng, nhiệm vụ, của các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN, thể hiện vai trò của đơn vị chủ trì và sự phối hợp giữa các đơn vị trong và ngoài ĐHĐN trong việc thực hiện các Nghị quyết.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao, các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, phối hợp chặt chẽ, đảm bảo đồng bộ,

¹ Kết luận số 45-TB/TGV ngày 30/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

không chồng chéo, né tránh nhiệm vụ.

- Tổ chức triển khai quyết liệt, thực chất, có sản phẩm cụ thể; tăng cường kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất theo yêu cầu.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Xây dựng kế hoạch triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt các Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị theo lộ trình thống nhất trong toàn ĐHĐN. Trên cơ sở chỉ đạo của Đảng ủy, ĐHĐN tổ chức các hội nghị học tập, sinh hoạt chuyên đề, cung cấp tài liệu phục vụ nghiên cứu; yêu cầu các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch quán triệt cụ thể, gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao. Việc triển khai được theo dõi, kiểm tra định kỳ, bảo đảm 100% cán bộ, đảng viên tham gia học tập, qua đó tạo sự thống nhất về nhận thức và quyết tâm chính trị để tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị một cách đầy đủ, toàn diện, phù hợp với thực tiễn; xây dựng các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án với lộ trình, kết quả cụ thể, phân công rõ trách nhiệm đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Tái cấu trúc, đổi mới mô hình quản trị, xây dựng hình mẫu đại học tự chủ.

Tái cấu trúc, đổi mới quản trị, sắp xếp lại cơ cấu bên trong là yếu tố then chốt để ĐHĐN phát huy tối đa nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển. Mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, linh hoạt và tự chủ, đồng thời đảm bảo trách nhiệm giải trình với các bên liên quan. Việc chuyển đổi số trong quản trị sẽ nâng cao năng suất làm việc và cải thiện trải nghiệm của giảng viên, sinh viên và cán bộ quản lý.

Các giải pháp cụ thể: Nâng cao năng lực quản trị theo Chỉ số hiệu quả/Mục tiêu và Kết quả then chốt (KPI/OKR); Hoàn thiện mô hình đại học số chia sẻ ĐHĐN; Tinh gọn tổ chức và mở rộng nguồn thu; Xây dựng KPI nghiên cứu khoa học (NCKH) và cơ chế tài chính khuyến khích.

2.2. Phát triển đội ngũ lãnh đạo, giảng viên, nhà khoa học

Đội ngũ giảng viên và nhà khoa học chất lượng cao là tài sản quý giá nhất của một đại học đẳng cấp quốc tế. ĐHĐN xây dựng chiến lược toàn diện để thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài, đồng thời tạo ra môi trường học thuật quốc tế

hóa và cạnh tranh. Việc gắn kết giảng viên với các nhóm nghiên cứu mạnh sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp và nâng cao năng lực nghiên cứu của toàn đại học.

Các giải pháp cụ thể: Bồi dưỡng năng lực và phát triển nghề nghiệp; Xây dựng môi trường học thuật quốc tế và chính sách đãi ngộ cạnh tranh; Tuyển dụng giảng viên trẻ tài năng có kinh nghiệm thực tiễn và thu hút học giả quốc tế; Đào tạo đội ngũ cho hệ thống giáo dục đại học cả nước.

2.3. Đột phá trong giáo dục và đào tạo

a) Đổi mới, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo ở cả bậc đại học và sau đại học

Phát triển các chương trình đào tạo (CTĐT) nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế là yếu tố cốt lõi để ĐHQG thu hút sinh viên xuất sắc và nâng cao uy tín. Việc đổi mới CTĐT cần hướng tới sự linh hoạt, tích hợp thực hành và gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp ở trình độ đại học, nâng cao năng lực nghiên cứu chuyên sâu ở trình độ sau đại học, đồng thời tăng cường quốc tế hóa thông qua giảng dạy bằng tiếng Anh và mở rộng hợp tác, liên kết quốc tế.

Các giải pháp cụ thể: Phát triển CTĐT tài năng tích hợp; Thiết kế CTĐT đạt chuẩn đầu ra hướng đến thị trường lao động khu vực và quốc tế; Tập trung đào tạo các ngành ưu tiên, đặc thù, ngành có nhu cầu cao của xã hội; Phát triển đào tạo sau đại học chuyên sâu, chính quy; Đổi mới phương pháp dạy - học - đánh giá, nhất là tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong đào tạo; Triển khai chương trình học-làm tại các doanh nghiệp, các Khu Công nghệ cao; Phát triển kỹ năng mềm, ngoại ngữ và hội nhập, tư duy khởi nghiệp; triển khai các khóa học mở đại chúng.

b) Quốc tế hóa chương trình đào tạo và thu hút người học quốc tế

Mở rộng chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc tăng cường tiếng Anh; phát triển mới các CTĐT liên kết quốc tế, chuyển tiếp (2+2, 3+1...), cấp bằng đôi, công nhận tín chỉ với các trường đại học nước ngoài; đầu tư ký túc xá cho người học quốc tế; tăng cường trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học trong khu vực và quốc tế; tăng tỷ lệ kiểm định CTĐT bởi các tổ chức kiểm định nước ngoài; đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá tuyển sinh quốc tế trên các nền tảng số.

c) Tăng cường giáo dục toàn diện đức - trí - thể - mỹ, hình thành hệ giá trị sinh viên ĐHQG

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên; xây dựng và tích hợp tiêu chí, giá trị sinh viên ĐHQG phù hợp với hệ giá trị, hình mẫu sinh viên Việt Nam trong kỷ nguyên mới;

- Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục toàn diện cho sinh viên theo hướng hiện đại, nhân văn, có năng lực học tập suốt đời để thực học, vững nghiệp, thích ứng; gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phụng sự xã hội;

- Xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu, sinh hoạt an toàn, lành mạnh, tiện nghi, thân thiện; truyền cảm hứng, động lực, phát triển tài năng trong sinh viên;

- Chủ động phòng chống vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, hạn chế tác động tiêu cực từ mạng xã hội,

- Tăng cường bồi dưỡng giáo dục toàn diện “đức - trí - thể - mỹ” cho sinh viên; tạo cơ hội, điều kiện để sinh viên được trải nghiệm thực tế, trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm trong môi trường doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

2.4. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh gắn chương trình nghiên cứu trọng điểm

NCKH chất lượng cao là yếu tố quyết định vị thế của một đại học đẳng cấp quốc tế. ĐHĐN tập trung xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh/tiềm năng trong các lĩnh vực ưu tiên, có khả năng cạnh tranh về tài trợ nghiên cứu quốc tế và tạo ra các sản phẩm có tác động cao, gắn kết nghiên cứu với nhu cầu phát triển của địa phương và vùng, tạo giá trị xã hội - kinh tế thiết thực.

Các giải pháp cụ thể: Tổ chức nhóm nghiên cứu xuất sắc và PTN mở; Triển khai chương trình AI và ứng dụng; Phát triển các viện và trung tâm nghiên cứu liên ngành; Lập hội đồng chuyên gia quốc tế tư vấn; Gắn R&D với chuyển đổi mô hình tăng trưởng địa phương.

b) Hoàn thiện hệ sinh thái ĐMST ĐHĐN trong hệ sinh thái ĐMST quốc gia và thành phố

Hệ sinh thái ĐMST là môi trường thuận lợi để các ý tưởng sáng tạo được chuyển hóa thành sản phẩm và dịch vụ có giá trị. ĐHĐN xây dựng hệ sinh thái ĐMST hoàn chỉnh, kết nối các yếu tố từ nghiên cứu, đào tạo, ươm tạo đến đầu tư và thương mại hóa, đồng thời tích hợp vào hệ sinh thái ĐMST của thành phố Đà Nẵng và quốc gia.

Các giải pháp cụ thể: Cơ chế thu hút vốn xã hội hóa cho quỹ hỗ trợ ĐMST và khởi nghiệp; Mở rộng mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp; Phát triển hạ tầng không gian làm việc chung và hỗ trợ doanh nghiệp (TechnoPole); Hợp tác để đầu tư và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu; Vận hành hệ sinh thái ĐMST theo chuẩn quản trị hiện đại.

c) Chuyển đổi số toàn diện

- Xây dựng và triển khai chiến lược dữ liệu của ĐHĐN, đầu tư đồng bộ hạ tầng số, nền tảng công nghệ, bảo đảm chuyển đổi số toàn diện trong quản trị, đào

tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Phát triển nền tảng giáo dục số, giáo dục thông minh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong dạy học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy mô hình đại học số, lớp học thông minh, quản trị đại học thông minh.

- Xây dựng và kết nối hệ thống thông tin đào tạo, người học và nguồn nhân lực của ĐHQĐN với thị trường lao động, doanh nghiệp và hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao năng lực số và năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho người học, giảng viên và cán bộ quản lý; tích hợp vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng, gắn với hoạt động sáng tạo, nghiên cứu, khởi nghiệp.

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.

- Đến năm 2030: Hoàn thiện mô hình đại học số chia sẻ ĐHQĐN; đạt 100% học liệu số hóa trên hệ thống LMS; đảm bảo 100% dịch vụ công mức độ 4 cho giảng viên và sinh viên, 100% hồ sơ công việc được xử lý trực tuyến; thiết lập tối thiểu 10 chương trình liên kết khai thác học liệu mở và giảng dạy trực tuyến với các đại học uy tín nước ngoài.

2.5. Tăng cường hợp tác quốc tế (HTQT)

a) Phát triển mạng lưới đối tác chiến lược và đa dạng hóa các hình thức hợp tác

Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển đối tác theo từng khu vực và lĩnh vực ưu tiên; đặc biệt chú trọng xây dựng quan hệ đối tác nghiên cứu bền vững² với các trường đại học trong Top 200 thế giới hoặc có thế mạnh phù hợp với các lĩnh vực mũi nhọn. Hợp tác chiến lược với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước để phát triển các chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn; đồng tài trợ các đề tài nghiên cứu; cấp học bổng và tổ chức các chương trình thực tập; trao đổi chuyên gia và chuyển giao tri thức giữa nhà trường – doanh nghiệp – đối tác quốc tế.

b) Đẩy mạnh HTQT trong NCKH và chuyển giao công nghệ (CGCN)

Xây dựng và triển khai chính sách thu hút các nhà khoa học, chuyên gia quốc tế đến làm việc, giảng dạy và nghiên cứu. Khuyến khích và hỗ trợ giảng viên, nhóm nghiên cứu tham gia các dự án, mạng lưới nghiên cứu quốc tế. Tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế có uy tín với sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành, tạo cơ hội mở rộng mạng lưới hợp tác, nâng cao năng lực nghiên cứu, tăng cường hiện diện học thuật và vị thế quốc tế của đơn vị.

² Đối tác nghiên cứu bền vững được định nghĩa là có từ 03 bài báo đồng tác giả trở lên trong 5 năm theo tiêu chí của tổ chức xếp hạng QS

2.6. Hiện đại hóa hạ tầng - mở rộng không gian phát triển xanh, thông minh, đạt chuẩn khu vực

Hiện đại hóa hạ tầng là nền tảng vật chất quan trọng để ĐHĐN phát triển theo chuẩn quốc tế. Đầu tư hạ tầng không chỉ tạo ra không gian học tập và nghiên cứu hiện đại mà còn thể hiện năng lực thu hút nhân tài và đối tác chiến lược. ĐHĐN cần tập trung vào việc xây dựng cơ sở vật chất đạt chuẩn khu vực, đồng thời tích hợp các yếu tố xanh và thông minh để đáp ứng xu hướng phát triển bền vững.

Các giải pháp cụ thể: Hoàn thành Dự án xây dựng khu đô thị ĐHĐN; Hình thành cơ sở vệ tinh R&D - đào tạo tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng; Xây dựng Trung tâm ĐMST ĐHĐN; Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư các PTN trọng điểm và Trung tâm nghiên cứu; Huy động vốn đa nguồn cho phát triển hạ tầng.

2.7. Phần đầu đưa ít nhất một ngành vào top 100 của thế giới

Việc đạt top 100 thế giới cho ít nhất một ngành không chỉ đáp ứng mục tiêu cụ thể đến 2030 mà còn tạo động lực lan tỏa cho các ngành khác, góp phần xây dựng hệ sinh thái ĐMST quốc gia và thành phố Đà Nẵng. ĐHĐN chọn ngành **Kỹ thuật Dầu khí** làm mũi nhọn, tận dụng vị thế hiện tại (xếp hạng 151-175 QS Subject Rankings 2025) và lợi thế vùng (có các Khu kinh tế lọc hóa dầu Dung Quất, Nghi Sơn), đồng thời phát triển các ngành khác để tạo danh mục đa dạng, cân bằng và bền vững. Các giải pháp cần được triển khai đồng bộ, tích hợp chuyển đổi số, phát triển nhân lực, nhằm tăng chỉ số QS Subject.

2.8. Phần đầu đưa ĐHĐN vào nhóm 150 đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2030

Để đạt được mục tiêu lọt vào Top 150 đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2030 theo bảng xếp hạng quốc tế uy tín như QS Asia University Rankings, ĐHĐN triển khai thực hiện đồng bộ 07 nhiệm vụ như đã nêu ở trên, đồng thời tập trung vào các chiến lược cụ thể nhằm cải thiện các chỉ số xếp hạng quan trọng.

III. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ:

(Chi tiết trong Phụ lục đính kèm)

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi tiết trong Kế hoạch hành động 4615/KH-ĐHĐN ngày 12/12/2025 của Giám đốc ĐHĐN và các nguồn kinh phí bổ sung hợp pháp khác được xây dựng cụ thể cho từng năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm

1.1. Đại học Đà Nẵng

- Chỉ đạo các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc và trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ, chất lượng; chủ trì làm việc,

phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì xây dựng các Dự án đầu tư thuộc danh mục các nhiệm vụ trong Kế hoạch và làm việc với các Bộ, ngành có liên quan để xem xét trình Chính phủ bố trí nguồn vốn triển khai thực hiện.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành liên quan.

- Hàng năm, rà soát kết quả thực hiện Kế hoạch, các đề xuất, kiến nghị của các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc, các đối tác để xem xét điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế và đạt được các mục tiêu đề ra.

1.2. Các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc

- Cụ thể hóa Kế hoạch này, chủ trì thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định, đảm bảo chất lượng.

- Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng triển khai các nhiệm vụ được giao trước Giám đốc ĐHĐN.

2. Chế độ báo cáo

- Các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo định kỳ tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch cho Giám đốc ĐHĐN, đồng thời thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu để phục vụ công tác tổng hợp, chỉ đạo, điều hành.

- Các ban chức năng có liên quan có trách nhiệm theo dõi, cập nhật tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cho Giám đốc ĐHĐN (thông qua Ban TCCB).



PHỤ LỤC

Chi tiết các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 59-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/TW

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
1	TÁI CẤU TRÚC, ĐỔI MỚI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, XÂY DỰNG HÌNH MẪU ĐẠI HỌC TỰ CHỦ				
1.1	Hoàn thành Đề án phát triển ĐHĐN thành ĐHQG Đà Nẵng	ĐHĐN (Ban TCCB)	CSĐTTV, các đơn vị thuộc, trực thuộc	2025-2030	ĐHĐN trở thành ĐHQG, được cấu trúc theo mô hình đại học tiên tiến.
1.2	Tái cấu trúc bộ máy bên trong	ĐHĐN (Ban TCCB)	CSĐTTV, các đơn vị thuộc, trực thuộc	2025-2027	Tái cấu trúc các trường ĐHTV, các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN theo hướng tinh gọn hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, trong đó thành lập Trường Đại học Y Dược và các viên/trung tâm nghiên cứu.
1.3	Triển khai hệ thống quản trị theo Chỉ số hiệu quả (KPI) và Kết quả then chốt OKR - Objectives and Key Results để đảm bảo mọi hoạt động đều hướng tới các mục tiêu chiến lược rõ ràng	ĐHĐN (Ban TCCB)	CSĐTTV, các đơn vị thuộc, trực thuộc	Thường xuyên	100% đơn vị áp dụng KPI/OKR vào năm 2027, trước mắt, ngay từ năm 2026, KPI được áp dụng đối với hoạt động NCKH; hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và số hóa đánh giá chất lượng vào năm 2028.
2	PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO, GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC				
2.1	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, giảng viên và chính sách tuyển dụng, thu hút và đãi ngộ người có tài.	ĐHĐN (Ban TCCB)	CSĐTTV, các đơn vị thuộc, trực thuộc	2026	Ban hành Đề án và triển khai thực hiện với mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 70%, trong đó 20% có chức danh Giáo sư/Phó Giáo sư, đồng thời tuyển dụng và bồi dưỡng 300-350 giảng viên và nhà khoa học trẻ tài năng vào năm 2030.
2.2	Tuyển dụng giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ tài năng có kinh nghiệm thực tiễn	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban TCCB)	2025-2030	- Đến năm 2030 toàn ĐHĐN tuyển dụng được khoảng 1.600 giảng viên, nghiên cứu viên.
2.3	Cử giảng viên, nghiên cứu viên đi đào tạo tiến sĩ (trong nước và nước ngoài)	ĐHĐN (Ban TCCB)	CSĐTTV	2025-2030	Cử 339 giảng viên đi đào tạo tiến sĩ, trong đó có 170 giảng viên học tập ở nước ngoài và 169 giảng viên học tập trong nước

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
2.4	Bồi dưỡng năng lực và phát triển nghề nghiệp	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban TCCB)	Thường xuyên	- 100% cán bộ quản lý hoàn thành chương trình bồi dưỡng lãnh đạo vào năm 2027, 80% giảng viên được đào tạo sư phạm đại học và nghiên cứu vào năm 2028. - Dự kiến tổ chức 16 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho giảng viên và cán bộ hỗ trợ. - Tăng tỷ lệ sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy và nghiên cứu lên 60% vào năm 2030.
2.5	Cử giảng viên làm việc 1 năm tại các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, ĐH uy tín trên thế giới	CSĐTTV	ĐHĐN; các doanh nghiệp; các trường đại học uy tín	2026-2030	- Năm 2026: Thí điểm chương trình với 30 giảng viên ở 6 cụm ngành ưu tiên - Năm 2027-2028: 60-80 giảng viên/năm tham gia luân chuyển - Năm 2029-2030: 100 giảng viên/năm tham gia luân chuyển
3	ĐỘT PHÁ TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
3.1	Đổi mới, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo ở cả bậc đại học và sau đại học				
3.1.1	Phát triển CTĐT tài năng	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD)	Thường xuyên	Triển khai 3-5 CTĐT tài năng vào năm 2027, thu hút ít nhất 500 sinh viên tài năng mỗi năm vào năm 2030.
3.1.2	Tập trung đào tạo các ngành ưu tiên theo Quyết định số 1131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược	ĐHBK, ĐHSP, ĐHSPKT, ĐHKT, ĐHVH, VNUK	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD)		Đến năm 2030, các ngành thuộc nhóm công nghệ chiến lược có số người tốt nghiệp trung bình hằng năm: 2.000 cử nhân, kỹ sư; 500 thạc sĩ; 30 tiến sĩ.

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
3.1.3	Phát triển đào tạo sau đại học	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD)	Thường xuyên	Đến năm 2030 : - Tỷ lệ học viên sau đại học (kỹ sư chuyên sâu đặc thù bậc 7, thạc sĩ, tiến sĩ chiếm tối thiểu 30% tổng số người học; - Tỷ lệ NCS chiếm 40% học viên sau đại học.
3.1.4	Triển khai các chương trình học-làm kéo dài 6 tháng	Các đơn vị có đào tạo khối ngành kỹ thuật, công nghệ	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD; Ban CTSV, QHDN & TT) ; Các doanh nghiệp tại thành phố Đà Nẵng và vùng phụ cận	Thường xuyên	- Năm 2026 có 08 ngành áp dụng chương trình Co-op; - Năm 2028 có 25 ngành áp dụng chương trình Co-op; - Năm 2030, 100% sinh viên tốt nghiệp khối ngành công nghệ, kỹ thuật tham gia các chương trình học-làm kéo dài 6 tháng.
3.1.5	Đổi mới phương pháp dạy - học - đánh giá	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD)	Thường xuyên	100% học liệu số hóa vào năm 2030.
3.2	Quốc tế hóa chương trình đào tạo (CTĐT) và thu hút người học quốc tế				
3.2.1	Mở rộng chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD)	Thường xuyên	Đến năm 2030 : - Tối thiểu 60% CTĐT thuộc khối ngành khoa học, kỹ thuật, công nghệ được dạy bằng tiếng Anh hoặc tăng cường tiếng Anh

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
3.2.2	Mở rộng các CTĐT liên kết quốc tế, chuyển tiếp (2+2, 3+1...), cấp bằng đôi; công nhận tín chỉ với các trường đại học nước ngoài. Khuyến khích hợp tác phát triển CTĐT liên kết với các trường đại học trong Top 200 thế giới.	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD, Ban KH&HTQT)	Thường xuyên	Đến năm 2030, có ít nhất 17 CTĐT trình độ đại học, sau đại học liên kết với các trường đại học thuộc top 200 thế giới
3.2.3	Phát triển kỹ năng mềm, ngoại ngữ và hội nhập	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban KH&HTQT)	Thường xuyên	100% sinh viên được đào tạo kỹ năng mềm trước khi tốt nghiệp vào năm 2028, tổ chức ít nhất 5 chương trình khởi nghiệp/năm cho sinh viên từ năm 2026.
3.2.4	Tăng cường trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học trong khu vực và quốc tế	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD; Ban KH&HTQT)	Thường xuyên	Đến năm 2030: - Tỷ lệ giảng viên, nhà khoa học quốc tế trao đổi tại các CSĐT đạt tối thiểu 5% so với giảng viên cơ hữu - Tỷ lệ sinh viên quốc tế đến học tập, trao đổi đạt tối thiểu 3% tổng số sinh viên chính quy
3.2.5	Tăng cường kiểm định CTĐT bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài	CSĐTTV	Ban ĐT&ĐBCLGD	Thường xuyên	Đến năm 2030, tỷ lệ CTĐT được kiểm định chất lượng bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài còn hiệu lực đạt tối thiểu 15%
3.3.	Tăng cường giáo dục toàn diện đức - trí - thể - mỹ, hình thành hệ giá trị sinh viên ĐHĐN				

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
3.3.1.	Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên; xây dựng và tích hợp tiêu chí, giá trị sinh viên ĐHĐN phù hợp với hệ giá trị, hình mẫu sinh viên Việt Nam trong kỷ nguyên mới	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban CTSV, QHDN và TT; Đoàn TN; Hội SV)	Thường xuyên	Hình thành hệ giá trị sinh viên ĐHĐN phát triển toàn diện "đức, trí, thể, mỹ", có phẩm chất, thái độ, năng lực chuyên môn, nghề nghiệp và ý chí tự lực, tự cường; tinh thần chủ động, thích ứng và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, cống hiến cho đất nước, phụng sự xã hội.
3.3.2.	Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục toàn diện cho sinh viên theo hướng hiện đại, nhân văn, có năng lực học tập suốt đời để thực học, vững nghiệp, thích ứng; gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phụng sự xã hội	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban CTSV, QHDN và TT; Đoàn TN; Hội SV)	Thường xuyên	
3.3.3.	Xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu, sinh hoạt an toàn, lành mạnh, tiện nghi, thân thiện; truyền cảm hứng, động lực, phát triển tài năng trong sinh viên	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban CTSV, QHDN và TT; Đoàn TN; Hội SV)	Thường xuyên	
3.3.4.	Chủ động phòng chống vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, hạn chế tác động tiêu cực từ mạng xã hội	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban CTSV, QHDN và TT; Đoàn TN; Hội SV)	Thường xuyên	
3.3.5	Tăng cường bồi dưỡng giáo dục toàn diện "đức - trí - thể - mỹ" cho sinh viên; tạo cơ hội, điều kiện để sinh viên được trải nghiệm thực tế, trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm trong môi trường doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban CTSV, QHDN và TT; Đoàn TN; Hội SV)	Thường xuyên	

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
4	ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ				
4.1	Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh/tiềm năng gắn chương trình nghiên cứu trọng điểm				
4.1.1	Tổ chức nhóm nghiên cứu mạnh/tiềm năng và phòng thí nghiệm mở	ĐHĐN (Ban KH&HTQT, Ban QLCSVC&ĐT)	CSĐTTV	2025-2030	Đến năm 2028, mỗi nhóm công bố trung bình 03-05 bài báo Q1/Q2 mỗi năm; đến năm 2030, các nhóm thu hút kinh phí nghiên cứu từ các nguồn ngoài ngân sách, góp phần vào mục tiêu 50 triệu USD. Tổng thể, phát triển 06-10 nhóm nghiên cứu mạnh/tiềm năng ở các cụm nghiên cứu liên ngành mũi nhọn: công nghệ số, 5G/6G – IoT – LoRa-Robot – Tự động hóa – ORAN, Vật liệu - Năng lượng - Môi trường biển/đất hiếm, Y - Sinh học - Sức khỏe số, Kinh tế số - Tài chính số - Dịch vụ thông minh và Hàng không - Không gian.
4.1.2	Phát triển các viện và trung tâm nghiên cứu liên ngành	ĐHĐN (Ban TCCB, Ban KH&HTQT, Ban QLCSVC&ĐT)	CSĐTTV	2025-2030	Thành lập và ban hành quy chế hoạt động cho ít nhất 1-2 Viện nghiên cứu thí điểm vào năm 2026, các Viện thí điểm đi vào hoạt động ổn định và có công bố quốc tế đầu tiên vào năm 2028, trở thành trung tâm nghiên cứu xuất sắc, tự chủ và thu hút tài trợ quốc tế vào năm 2030.
4.1.3	Triển khai chương trình AI và ứng dụng	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban KH&HTQT, TT CNTT&HLS)	2025-2030	Thành lập 02-03 nhóm nghiên cứu AI ứng dụng vào năm 2026, công bố ít nhất 20 bài báo Q1/Q2 liên quan đến AI vào năm 2030.
4.1.4	Lập hội đồng chuyên gia quốc tế tư vấn	ĐHĐN (Ban KH&HTQT)	CSĐTTV	2025-2030	Thành lập 02-03 hội đồng chuyên gia quốc tế vào năm 2026, kết nối ít nhất 05 nguồn tài trợ quốc tế/năm vào năm 2030.
4.1.5	Gắn R&D với chuyển đổi mô hình tăng trưởng địa phương	CSĐTTV	ĐHĐN	2025-2030	Triển khai ít nhất 10 dự án R&D gắn với địa phương mỗi năm từ năm 2027, hỗ trợ 50 doanh

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
			(Ban KH&HTQT)		ngành địa phương áp dụng công nghệ mới vào năm 2030.
4.2	Hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ĐHĐN trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia và thành phố				
4.2.1	Cơ chế thu hút vốn xã hội hóa cho quỹ hỗ trợ ĐMST và khởi nghiệp	ĐHĐN (Ban KHTC; Ban CTSV, QHDN và TT; Ban KH&HTQT)	CSĐTTV, các đơn vị thuộc, trực thuộc	2025-2030	Duy trì 1,5-2 triệu USD Quỹ Đầu tư Khởi nghiệp ĐHĐN từ nguồn hợp pháp và xã hội hóa vào năm 2030.
4.2.2	Mở rộng mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp	CSĐTTV	ĐHĐN (Ban KH&HTQT; Ban CTSV, QHDN và TT)	2025-2030	Kết nối với ít nhất 20 đối tác khởi nghiệp trong và ngoài nước vào năm 2028, hỗ trợ 50 startup mỗi năm vào năm 2030.
4.2.3	Phát triển hạ tầng không gian làm việc chung và hỗ trợ doanh nghiệp (TechnoPole)	ĐHĐN (Ban QLCSVC&ĐT, Ban ĐT&ĐBCLGD)	CSĐTTV	2025-2030	Phát triển và vận hành 1 trung tâm hỗ trợ ĐMST, 1 co-working và 1 fablab vào năm 2027, xây dựng TechnoPole và mở rộng lên 3 trung tâm hỗ trợ vào năm 2030.
4.2.4	Hợp tác để đầu tư và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu	CSĐTTV	- ĐHĐN (Ban CTSV, QHDN và TT; Ban KH&HTQT) - Các đối tác trong nước và quốc tế. - Các doanh nghiệp.	2025-2030	Hình thành tối thiểu 6 sản phẩm “Make in ĐHĐN” được chuyển giao/ứng dụng thực tiễn, ươm tạo 50 doanh nghiệp KH&CN/spin-off, trong đó ươm tạo ít nhất 10 doanh nghiệp khởi nghiệp thành công được định giá tối thiểu 200 triệu USD vào năm 2030.
4.2.5	Vận hành hệ sinh thái ĐMST theo chuẩn quản trị hiện đại	ĐHĐN (Ban CTSV, QHDN và TT; Ban KH&HTQT)	- CSĐTTV. - Các đối tác trong nước và quốc tế.	2025-2030	Đến năm 2030, ĐHĐN trở thành trung tâm và hạt nhân mạng lưới ĐMST của thành phố Đà Nẵng và vùng miền Trung - Tây Nguyên, với

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
			- Thành phố Đà Nẵng.		kênh bồi dưỡng ĐMST và khởi nghiệp cho 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp.
4.3	Chuyển đổi số toàn diện				
4.3.1	Hoàn thiện mô hình đại học số chia sẻ ĐHĐN	ĐHĐN	- CSĐTTV. - Các đối tác trong và ngoài nước.	2025-2030	- 100% quy trình quản trị, điều hành được số hóa và vận hành trên nền tảng quản trị đại học tích hợp (University ERP/MIS), toàn bộ dữ liệu được chuẩn hóa và cập nhật theo thời gian thực. - 100% CTĐT có học liệu số và bài giảng điện tử được tích hợp vào kho học liệu số của ĐHĐN; đồng thời được triển khai, vận hành thống nhất trên LMS hoàn chỉnh. - 100% quy trình quản lý NCKH được số hóa và vận hành trên nền tảng quản trị nghiên cứu tích hợp (RMS); toàn bộ dữ liệu nghiên cứu, công bố khoa học và sản phẩm nghiên cứu được chuẩn hóa, lưu trữ tập trung và bảo đảm khả năng kết nối, liên thông và chia sẻ. - 100% thủ tục hành chính dành cho người học và viên chức được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4). 100% hệ thống thông tin được tổ chức đánh giá, phân loại và triển khai đầy đủ các biện pháp bảo vệ theo cấp độ 3.
5	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ				
5.1	Phát triển mạng lưới đối tác chiến lược và đa dạng hóa các hình thức hợp tác				
5.1.1	Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển đối tác theo từng khu vực và lĩnh vực ưu tiên; đặc biệt chú trọng xây dựng quan hệ đối tác	ĐHĐN (Ban KH&HTQT)	- CSĐTTV, các đơn vị thuộc, trực thuộc	2025-2030	Ký kết ít nhất 10 thỏa thuận hợp tác chiến lược

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
	nghiên cứu bền vững ³ với các trường đại học trong Top 200 thế giới hoặc có thể mạnh phù hợp với các lĩnh vực mũi nhọn				
5.1.2	Hợp tác chiến lược với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước để phát triển các chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn; đồng tài trợ nghiên cứu, cấp học bổng và tổ chức các chương trình thực tập	- CSĐTTV. - Giảng viên và các nhóm nghiên cứu	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD, Ban KH&HTQT)	2025-2030	- Ký kết hợp tác với ít nhất 20 tập đoàn lớn trong và ngoài nước - Các hợp đồng tài trợ nghiên cứu, số lượng học bổng và các chương trình thực tập
5.2	Đẩy mạnh HTQT trong NCKH và CGCN				
5.2.1	Xây dựng và triển khai chính sách thu hút các nhà khoa học, chuyên gia quốc tế đến làm việc, giảng dạy và nghiên cứu	ĐHĐN (Ban TCCB, Ban KHTC, Ban KH&HTQT)	CSĐTTV	2026 - 2030	- Chính sách được ban hành - Thu hút ít nhất 25-30 học giả xuất sắc ở nước ngoài làm việc hoặc hợp tác dài hạn, bao gồm 100+ học giả quốc tế ngắn hạn mỗi năm và 20-30 giáo sư hợp đồng trên 1 năm vào năm 2030; mỗi năm thu hút ít nhất 02 chuyên gia tốt nghiệp tại các trường đại học danh tiếng có kinh nghiệm làm việc ở các tập đoàn kinh tế - công nghiệp đa quốc gia. Đạt tối thiểu 30% trưởng (hoặc đồng trưởng) các PTN, trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu là chuyên gia quốc tế vào năm 2030. 100% giảng viên có hồ sơ trên GoogleScholar, 80% giảng viên có hồ sơ ORCID cập nhật vào năm 2026, 100% giảng viên có hồ sơ học thuật trực tuyến đầy đủ và chuyên nghiệp vào năm 2030.
5.2.2	Khuyến khích và hỗ trợ giảng viên, nhóm nghiên cứu tham gia các dự án, mạng lưới nghiên cứu quốc tế	CSĐTTV	- ĐHĐN (Ban KH&HTQT)	Hàng năm	Số lượng dự án nghiên cứu chung với các đối tác quốc tế

³ Đối tác nghiên cứu bền vững được định nghĩa là có từ 03 bài báo đồng tác giả trở lên trong 5 năm theo tiêu chí của tổ chức xếp hạng QS

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
			- Giảng viên và các nhóm nghiên cứu		
5.2.3	Tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế có uy tín với sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành, tạo cơ hội mở rộng mạng lưới hợp tác, nâng cao năng lực nghiên cứu, tăng cường hiện diện học thuật và vị thế quốc tế của đơn vị	CSĐTTV	Các đơn vị thuộc, trực thuộc	Hàng năm	Ít nhất 10 hội thảo/năm
6	Hiện đại hóa hạ tầng - mở rộng không gian phát triển xanh, thông minh, đạt chuẩn khu vực				
6.1	Hoàn thành Dự án xây dựng khu đô thị ĐHĐN	ĐHĐN (Ban QLCSVC&ĐT, Ban ODA, Ban KHTC)	- CSĐTTV; các bộ, ngành TW; Thành phố Đà Nẵng.	2025-2030	Hoàn thành khu đô thị ĐHĐN tại Hòa Quý - Điện Ngọc trên diện tích 300ha với cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, xanh phục vụ cho học tập, nghiên cứu của sinh viên, học viên và giảng viên, nhà khoa học. Lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời áp mái công suất 2,24 MWp ở tất cả các tòa nhà ĐHĐN.
6.2	Hình thành cơ sở vệ tinh R&D - đào tạo tại KCNC Đà Nẵng.	ĐHĐN (Ban QLCSVC&ĐT, Ban KH&HTQT)	CSĐTTV; thành phố Đà Nẵng; các tổ chức, doanh nghiệp	2025-2030	Hoàn thành quy hoạch và khởi công cơ sở vệ tinh vào năm 2027, xây dựng 2 Hub R&D năm 2028 và đưa vào hoạt động giai đoạn 1 (ít nhất 2 PTN và không gian đào tạo cùng 2 Hub R&D) vào năm 2029.
6.3	Xây dựng Trung tâm ĐMST ĐHĐN	ĐHĐN (Ban QLCSVC&ĐT, KHTC, ODA)	CSĐTTV; thành phố Đà Nẵng; các tổ chức, doanh nghiệp	2025-2030	Thành lập Trung tâm ĐMST vào năm 2026, vận hành ít nhất 2 testbed/sandbox vào năm 2028, và kết nối với ít nhất 10 doanh nghiệp khởi nghiệp mỗi năm đến năm 2030.
6.4	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư các PTN trọng điểm và Trung tâm nghiên cứu	ĐHĐN (Ban QLCSVC&ĐT, Ban ODA, Ban KHTC)	CSĐTTV	2025-2030	Hoàn thành hạ tầng số (kho dữ liệu mở, HPC) vào năm 2027; nâng cấp 100% PTN trong lĩnh vực công nghệ chiến lược đạt chuẩn quốc tế hoặc đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo vào năm

STT	Mô tả hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giai đoạn thực hiện	Kết quả dự kiến
					2028, xây dựng thêm 05-07 PTN trọng điểm mới vào năm 2030.
6.5	Huy động vốn đa nguồn cho phát triển hạ tầng	ĐHĐN (Ban KHTC, Ban QLCSVC&ĐT)	CSĐTTV; các đối tác trong nước và quốc tế	2025-2030	Thành lập và vận hành 5 Joint Labs vào năm 2027, đạt 10+ Joint Labs hoạt động hiệu quả vào năm 2030. Huy động ít nhất 30% kinh phí hạ tầng từ nguồn xã hội hóa và PPP vào năm 2030.
7	Phấn đấu đưa ít nhất một ngành vào top 100 của thế giới	ĐHBK, ĐHKT, ĐHSP	ĐHĐN (Ban ĐT&ĐBCLGD)		Hoàn thành kế hoạch đầu tư chi tiết cho các nhóm ngành vào năm 2026, với nguồn lực tập trung vào Kỹ thuật Dầu khí; đưa nhóm ngành Kỹ thuật Dầu khí vào Top 100 thế giới vào năm 2030, đồng thời 02-03 nhóm ngành khác được xếp hạng thế giới theo QS
8	Phấn đấu đưa ĐHĐN vào nhóm 150 đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2030	ĐHĐN	- CSĐTTV; các đối tác trong nước và quốc tế. - Các địa phương	2030	ĐHĐN đạt Top 150 châu Á theo QS Asia Rankings vào năm 2030, với cải thiện toàn diện các chỉ số (danh tiếng học thuật >60, danh tiếng nhà tuyển dụng >50, trích dẫn/bài báo >90, mạng lưới nghiên cứu quốc tế >90), tăng công bố tối thiểu 30%/năm, thu hút ít nhất 5% sinh viên quốc tế, tạo 50 doanh nghiệp khởi nghiệp/năm và tác động kinh tế tối thiểu 300 tỷ đồng từ ĐMST, góp phần nâng vị thế giáo dục đại học Việt Nam trong khu vực.

• Qu

14

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 01 năm 2026

Quyết định số 191/QĐ-ĐHĐN ngày 16/01/2026 của Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục và đào tạo

Kính chuyển¹:	Ban Giám hiệu
Ý kiến của Ban Giám hiệu²:	
- Bcy - P. Kucn đv - Ctc đv	
Thời hạn hoàn thành:	
Ý kiến của lãnh đạo đơn vị chủ trì thực hiện³:	
.....	
Thời hạn hoàn thành:	
Ý kiến của lãnh đạo đơn vị phối hợp thực hiện⁴:	
.....	
Thời hạn hoàn thành:	
Ý kiến đề xuất của người giải quyết⁵:	
.....	

¹ Phần này dành cho Trường Phòng TCHC: ghi rõ tên của thành viên Ban Giám hiệu sẽ cho ý kiến chỉ đạo đối với văn bản đến này

² Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của Ban Giám hiệu giao đơn vị, cá nhân chủ trì; các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có); thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến phân phối, giải quyết, ký tên.

³ Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của lãnh đạo đơn vị, cá nhân chủ trì giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến, ký tên.

⁴ Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của lãnh đạo đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến, ký tên.

⁵ Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân và ngày tháng đề xuất ý kiến, ký tên.